PHỤ LỤC 1: QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN LKĐTVNN

1. Lưu đồ Quy trình Xây dựng Đề án LKĐTVNN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trách nhiệm** | **Sơ đồ quy trình** | **Biểu mẫu** |
| - Phòng HTQT  - Đơn vị thực hiện | Hoạt động HTQT |  |
| - Đơn vị thực hiện | Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN | BM01 |
| - Phòng HTQT | Gửi Văn bản kèm theo Đề xuất lấy ý kiến các Đơn vị liên quan  Văn bản yêu cầu Đơn vị thực hiện sửa đổi, cung cấp thêm thông tin (nếu cần)  Thẩm định sơ bộ Đề xuất |  |
| * Các Đơn vị liên quan * BGH, CT HĐT | Góp ý Đề xuất |  |
| - Hiệu trưởng  - Phòng HTQT | Tổng hợp ý kiến góp ý Đề xuất  Gần đủ điều kiện  Văn bản đề nghị bổ sung, giải trình  Đủ điều kiện  Dự thảo Văn bản thông qua  Văn bản từ chối Đề xuất  Không đủ điều kiện |  |
| - Hiệu trưởng  - Phòng HTQT | Tái thẩm định Đề xuất |  |
| - Hiệu trưởng |  |  |
| - Đơn vị thực hiện  - Phòng HTQT  - Các Đơn vị liên quan | Đàm phán Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN |  |
| - Đơn vị thực hiện  - Cơ sở GDNN | Dự thảo Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN |  |
| - Hiệu trưởng  - Phòng HTQT | Thẩm định Dự thảo T. thuận hợp tác LKĐTVNN |  |
| - Phòng HTQT | Tờ trình ký kết Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN |  |
| - Hiệu trưởng  - Đại diện Đối tác LKĐTNN | Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN |  |
| - Đơn vị thực hiện  - Cơ sở GDNN | Đề án LKĐTVNN | BM02 |

1. Mô tả Quy trình Xây dựng Đề án LKĐTVNN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Hoạt động | Trách nhiệm | Mô tả nội dung thực hiện | Biểu mẫu |
| 1 | Hoạt động HTQT | Phòng HTQT;  Đơn vị thực hiện | Thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín và phù hợp với chiến lược phát triển của Trường;  Đề xuất ký Biên bản ghi nhớ (MOU); |  |
| 2 | Đề xuất việc đàm phán chương trình LKĐTVNN | Đơn vị thực hiện | Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN theo Biểu mẫu BM01 qua Phòng HTQT; | BM01 |
| 3 | Kiểm tra sơ bộ Đề xuất  (05 ngày làm việc) | Phòng HTQT | Tiếp nhận Đề xuất;  Kiểm tra tính hợp lệ và phù hợp của Đề xuất theo đúng quy định;  Kiểm tra sơ bộ các thông tin về đối tác và chương trình dự kiến LKĐTVNN;  Yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu cần) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề xuất; hoặc  Lập công văn gửi các Đơn vị liên quan, BGH, Chủ tịch Hội đồng trường kèm theo Đề xuất để lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề xuất hợp lệ và phù hợp; |  |
| 4 | Góp ý Đề xuất  (07 ngày làm việc) | Các Đơn vị liên quan, BGH, CT HĐT | Kiểm tra và cho ý kiến góp ý bằng văn bản về Đề xuất gửi Phòng HTQT trong thời hạn 07 ngày làm việc; |  |
| Phòng HTQT | Kiểm tra và cho ý kiến góp ý về Đề xuất trong thời hạn 07 ngày làm việc; |  |
| 5 | Tổng hợp ý kiến góp ý Đề xuất  (05 ngày làm việc) | Phòng HTQT | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổng hợp ý kiến góp ý Đề xuất của các Đơn vị liên quan:  Soạn thảo và ký Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, thông qua Đề xuất, kèm theo Dự thảo Văn bản thông qua Đề xuất LKĐTVNN nếu Đề xuất đáp ứng các yêu cầu và điều kiện theo quy định, Văn bản ghi rõ ý kiến định hướng của Hiệu trưởng về các nội dung cần thực hiện và đạt được trong Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN; hoặc  Soạn thảo và ký Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng xem xét, từ chối Đề xuất kèm Văn bản từ chối thông qua Đề xuất LKĐTVNN nếu Đề xuất không đáp ứng các yêu cầu và điều kiện theo quy định (ghi rõ trong Văn bản); |  |
| 6 | Quyết định về Đề xuất | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng ký Văn bản Thông qua/Từ chối thông qua Đề xuất; |  |
| 7 | Trả kết quả | Phòng HTQT | Gửi kết quả qua đường công văn hoặc trả kết quả trực tiếp tại Phòng HTQT; |  |
| 8 | Đàm phán Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN | Đơn vị thực hiện; Phòng HTQT; Các Đơn vị liên quan | Đơn vị thực hiện phối hợp cùng với Phòng HTQT và các Đơn vị liên quan (nếu cần) đàm phán với cơ sở giáo dục nước ngoài về Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo theo đúng định hướng của Hiệu Trưởng; |  |
| 9 | Dự thảo Thỏa thuận hợp tác LKĐT | Đơn vị thực hiện | Nộp Dự thảo Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo qua Phòng HTQT;  Sửa đổi, bổ sung Dự thảo Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo nếu có yêu cầu; |  |
| 10 | Thẩm định Dự thảo Thỏa thuận hợp tác LKĐT | Hiệu trưởng;  Phòng HTQT | Phòng HTQT thẩm định Dự thảo Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo, xin ý kiến chỉ đạo của Hiệu trưởng, yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu cần); |  |
| 11 | Trình ký Thỏa thuận hợp tác LKĐT | Phòng HTQT | Soạn thảo và ký Tờ trình đề nghị Hiệu trưởng ký kết Thỏa thuận hợp tác LKĐT, kèm theo Dự thảo Thỏa thuận hợp tác LKĐT; |  |
| 12 | Ký Thỏa thuận hợp tác LKĐT | Hiệu trưởng | Ký kết Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo; |  |
| 13 | Xây dựng Đề án LKĐTVNN | Đơn vị thực hiện;  Phòng HTQT | Đơn vị thực hiện cùng cơ sở giáo dục nước ngoài đối tác xây dựng và ký Đề án LKĐTVNN theo quy định của Nhà nước và Trường ĐH KTQD;  Phòng HTQT hỗ trợ Đơn vị thực hiện cùng cơ sở giáo dục nước ngoài đối tác xây dựng Đề án LKĐTVNN theo Thỏa thuận hợp tác, quy định của Nhà nước và Trường ĐH KTQD; | BM02 |
| 14 | Lưu hồ sơ | Phòng HTQT | Bản chính Quyết định thông qua/Văn bản từ chối thông qua Đề xuất LKĐTVNN;  Hồ sơ gốc Đề xuất cùng các văn bản góp ý Đề xuất LKĐTVNN;  Bản chính Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo; |  |

PHỤ LỤC 2: QUY TRÌNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LKĐTVNN

1. Lưu đồ Quy trình Phê duyệt Đề án LKĐTVNN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trách nhiệm** | **Sơ đồ quy trình** | **Biểu mẫu** |
| - Đơn vị thực hiện | Hồ sơ Đề án LKĐTVNN | BM03 |
| - Phòng HTQT | Tiếp nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN | BM04 |
| - Phòng HTQT | Gửi Văn bản kèm theo Hồ sơ để lấy ý kiến các Đơn vị liên quan  Văn bản thông báo Đơn vị thực hiện sửa đổi, cung cấp thêm thông tin (nếu cần)  Thẩm định sơ bộ Hồ sơ |  |
| * Các Đơn vị liên quan * Phòng HTQT | Thẩm định chi tiết Hồ sơ |  |
| - Phòng HTQT | Tổng hợp ý kiến thẩm định Hồ sơ  Văn bản đề nghị Đơn vị thực hiện bổ sung, giải trình  Đánh giá chương trình LKĐTVNN  Báo cáo thẩm định Hồ sơ Đề án LKĐTVNN  Đủ điều kiện  Cần bổ sung |  |
| - Hội đồng thẩm định | Thẩm định Hồ sơ |  |
| - Hội đồng thẩm định | Thông qua Hồ sơ  Thông qua Hồ sơ  Không thông qua Hồ sơ |  |
| - Phòng HTQT | Tờ trình, dự thảo Công văn từ chối  Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt |  |
| - Hiệu trưởng | Quyết định phê duyệt  Đề án LKĐTVNN  Công văn từ chối phê duyệt  Đề án LKĐTVNN | BM05 |

1. Mô tả Quy trình Phê duyệt Đề án LKĐTVNN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Hoạt  động | Trách  nhiệm | Mô tả nội dung thực hiện | Biểu mẫu |
| 1 | Lập Hồ sơ Đề án LKĐTVNN | Đơn vị thực hiện | Lập Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án theo Biểu mẫu BM03;  Lập Hồ sơ Đề án (theo Điều 9 của Quy định này); | BM03 |
| 2 | Tiếp nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN | Phòng HTQT | Tiếp nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN (06 bộ Hồ sơ, trong đó có 01 bộ Hồ sơ gốc);  Lập 02 phiếu biên nhận hồ sơ theo Biểu mẫu BM04, giao Đơn vị thực hiện 01 phiếu, lưu 01 phiếu; | BM04 |
| 3 | Thẩm định sơ bộ Hồ sơ Đề án LKĐTVNN  (05 ngày làm việc) | Phòng HTQT | Nếu chưa hợp lệ, lập thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ; hoặc  Nếu hợp lệ, gửi văn bản kèm theo Hồ sơ đến các Đơn vị liên quan lấy ý kiến thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ; |  |
| 4 | Thành lập Hội đồng thẩm định | Phòng HTQT | Tham mưu, giúp Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định Hồ sơ LKĐTVNN; |  |
| Hiệu trưởng | Xem xét, ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Hồ sơ LKĐTVNN; |  |
| 5 | Thẩm định chi tiết Hồ sơ Đề án  (07 ngày làm việc) | Các Đơn vị liên quan | Thẩm định và cho ý kiến thẩm định bằng văn bản về Đề án gửi Phòng HTQT trong thời hạn 07 ngày làm việc; |  |
| Phòng HTQT | Thẩm định và cho ý kiến thẩm định bằng văn bản về Đề án trong thời hạn 07 ngày làm việc; |  |
| 6 | Tổng hợp ý kiến thẩm định Hồ sơ Đề án  (05 ngày làm việc) | Phòng HTQT | Tổng hợp ý kiến thẩm định Đề án của các Đơn vị liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc;  Yêu cầu Đơn vị thực hiện sửa đổi, bổ sung, cung cấp thêm thông tin (nếu cần thiết); |  |
| 7 | Đánh giá Đề án và Lập báo thẩm định  (05 ngày làm việc) | Phòng HTQT | Khi Hồ sơ đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc:  Sử dụng Phương pháp đánh giá chương trình LKĐTVNN để đánh giá Đề án;  Lập Báo cáo thẩm định Đề án LKĐTVNN gửi Hội đồng thẩm định; |  |
| 8 | Thẩm định Đề án (05 ngày làm việc) | Hội đồng thẩm định | Hội đồng thẩm định nghiên cứu Báo cáo thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc;  Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định thời điểm triệu tập cuộc họp của Hội đồng thẩm định sau thời hạn trên; |  |
| 9 | Họp quyết định về Đề án | Hội đồng thẩm định | Yêu cầu Đơn vị thực hiện sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết);  Đồng ý thông qua Đề án; hoặc  Không đồng ý thông qua Đề án; |  |
| 10 | Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN | Phòng HTQT | Nếu Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Đề án, làm tờ trình kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN đề nghị Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD xem xét, phê duyệt Đề án; | BM05 |
| Hiệu trưởng | Xem xét, ký Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN; |  |
| 10’ | Quyết định từ chối phê duyệt Đề án LKĐTVNN | Phòng HTQT | Nếu Hội đồng thẩm định không đồng ý thông qua Đề án, làm tờ trình kèm theo Công văn từ chối phê duyệt Đề án LKĐTVNN (ghi rõ lý do từ chối) đề nghị Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD xem xét, ký Công văn; |  |
| Hiệu trưởng | Xem xét, ký Công văn từ chối phê duyệt Đề án LKĐTVNN; |  |
| 11 | Trả kết quả | Phòng HTQT | Gửi kết quả qua đường công văn hoặc trả kết quả trực tiếp tại Phòng HTQT; |  |
| 12 | Lưu hồ sơ | Phòng HTQT | Bản chính Quyết định phê duyệt/Văn bản từ chối phê duyệt Đề án LKĐTVNN;  Hồ sơ gốc Đề án LKĐTVNN;  Các công văn giải trình, hồ sơ bổ sung…;  Ý kiến góp ý bằng văn bản của các Đơn vị liên quan;  Báo cáo thẩm định;  Biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định |  |

### **PHỤ LỤC 3: BIỂU MẪU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã biểu mẫu** | **Tên biểu mẫu** |
| 1 | BM01 | Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN |
| 2 | BM02 | Đề án LKĐTVNN Mẫu |
| 3 | BM03 | Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án LKĐTVNN |
| 4 | BM04 | Phiếu Biên nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN |
| 5 | BM05 | Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN |
| 6 | BM06 | Báo cáo định kỳ cho Trường ĐHKTQD |

BM01

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN  **ĐƠN VỊ:................**  Số: /QĐ-ĐHKTQD | **CỘNG HOÀ *X*Ã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày…..tháng…..năm …..* |

**ĐỀ XUẤT ĐÀM PHÁN**

**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD  (Qua Phòng Hợp tác Quốc tế) |

1. Lý do thực hiện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
2. Nêu ngắn gọn về chương trình LKĐTVNN, bao gồm những nội dung sau:
3. Mục tiêu của Chương trình LKĐTVNN
4. Thông tin cơ bản về cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia liên kết đào tạo
5. Thời hạn dự kiến LKĐTVNN
6. Ngành nghề và trình độ đào tạo
7. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dự kiến của chương trình LKĐTVNN
8. Chương trình và cấu trúc dự kiến của chương trình LKĐTVNN
9. Quy mô đào tạo dự kiến
10. Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh dự kiến
11. Mức học phí, hỗ trợ tài chính dự kiến
12. Văn bằng, chứng chỉ dự định cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

Đơn vị kính đề nghị Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN đào tạo bậc………………… ngành……………….. giữa ... ….………………………. và …………………..........................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên; * Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

BM02

**ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

CHUYÊN NGÀNH:…………………………………

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:……………………………………

1. **Sự cần thiết của chương trình LKĐTVNN**
2. **Mục tiêu của chương trình LKĐTVNN**
3. **Thông tin về cơ sở giáo dục nước ngoài cùng liên kết đào tạo** *(theo Mục 1, Điều 7 của Nghị định 73)*

*Cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.*

1. **Thời hạn liên kết đào tạo** *(theo Điều 9 của Nghị định 73)*

*Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo không quá năm năm, kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm năm.*

1. **Ngành và trình độ đào tạo** *(theo Mục 2 Điều 7 của Nghị định 73)*

#### *Cơ sở giáo dục cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam này chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thực hiện;*

#### *Cơ sở giáo dục quy định tại cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.*

1. **Điều kiên cơ sở vật chất, thiết bị** *(theo Điều 11 của Nghị định 73)*

#### *Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của cơ sở giáo dục Việt Nam và bao gồm: Phòng học, phòng làm việc giáo viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập ít nhất là 05 m²/sinh viên hoặc học viên;*

#### *Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.*

#### **Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy** *(theo Mục 1 Điều 12 của Nghị định 73)*

#### *Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy bao gồm danh sách học phần và tín chỉ của từng học phần; tổng số tín chỉ, tổng thời gian học của chương trình; phân bổ học phần, tín chỉ và thời gian học tại Trường ĐH KTQD và/hoặc tại cơ sở giáo dục nước ngoài. Cần đảm bảo chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng ở nước ngoài hoặc là chương trình của cơ sở giáo dục đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng.*

#### **Quy mô đào tạo** *(theo Mục 2 Điều 12 của Nghị định 73)*

#### *Quy mô đào tạo của chương trình liên kết được xác định căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình: Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục. Đơn vị thực hiện và cơ sở giáo dục nước ngoài đề xuất quy mô đào tạo trong Đề án liên kết đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.*

#### **Danh sách giáo viên, giảng viên dự kiến và lý lịch cá nhân** *(theo Mục 2,3,4 Điều 10 của Nghị định 73)*

### *Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học thì giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;*

### *Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ thì giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ ít nhất phải có bằng tiến sĩ; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, giảng dạy ngoại ngữ ít nhất phải có bằng thạc sĩ;*

### *Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ thì giảng viên ít nhất phải có bằng tiến sĩ ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;*

### *Giáo viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo ít nhất phải có năm năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực giảng dạy;*

### *Giáo viên, giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương).*

### **Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh** *(theo Điều 13 của Nghị định 73)*

### *Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;*

### *Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài thì phải tuân thủ quy định về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của cơ sở giáo dục nước ngoài. Các điều kiện này phải tương ứng với điều kiện tiếp nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài quy định tại nước sở tại và được Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

### **Mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài** *(nếu có);*

### **Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá** *(theo Mục 1 Điều 8 của Nghị định 73)*

### *Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài.*

### **Văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam** *(theo Mục 2 Điều 8 của Nghị định 73)*

### *Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật nước đó và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận; 2. Văn bằng do cơ sở giáo dục Việt Nam cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.*

### **Dự toán phương án tài chính, cơ chế quản lý tài chính**

### **Biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro**

### **Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết**

### **Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên và người học**

### **Bộ phận phụ trách chương trình LKĐT, lý lịch cá nhân của người đại diện Trường ĐH KTQD và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình** *(nếu có);*

### **Danh sách và đề cương chi tiết (Syllabus)**

### *Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần;*

### **Các thỏa thuận về công nhận học phần, chuyển tiếp sinh viên** **(nếu có)** **giữa các bên tham gia chương trình LKĐTVNN**

### **Quá trình hợp tác giữa các bên tham gia LKĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên Việt Nam**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **Bên nước ngoài**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

BM03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

­­­­­­­­­­­­

*Hà Nội, ngày..…tháng.….năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục ;

Căn cứ Thông tư số 34 ngày 15 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo…;

Chúng tôi, những người cùng ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

1. **Các bên liên kết**
2. **Bên Việt Nam: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

Địa chỉ:…………………………………………………………………………..............

Điện thoại:…………………………….Fax:…………………………………….............

Website:………………………………Email:…………………………………..............

Quyết định thành lập:……………………………………………………………............

Người đại diện:……………………………………………………………………..........

Chức vụ:…………………………………………………………………………............

1. **Bên nước ngoài**: …………………………………………………………...

Địa chỉ:…………………………………………………………………..........................

Điện thoại:…………………………….Fax:…………………………………….............

Website:………………………………Email:…………………………………………Văn bản pháp lý về việc thành lập/Giấy phép đăng ký hoạt động:……………..............................................................................................................

Người đại diện:…………………………………………………………………..............

Chức vụ:…………………………………………………………………………...........

đề nghị Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xem xét, phê duyệt Đề án Liên kết đào tạo cấp bằng ……………………………giữa……………………..và……….…………….. với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. **Mục tiêu của chương trình liên kết đào tạo**

*(Ghi tóm tắt mục tiêu thực hiện chương trình liên kết đào tạo)*

1. **Phạm vi hoạt động của chương trình liên kết đào tạo**

*(Ghi tóm tắt mục tiêu thực hiện chương trình liên kết đào tạo, lĩnh vực dự định liên kết đào tạo, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hàng năm và văn bằng sẽ cấp trong chương trình liên kết đào tạo)*

1. **Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo:**…………………...
2. **Chúng tôi xin cam kết:**
3. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.
5. **Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:**
6. Bản sao thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác liên kết đào tạo giữa các Bên liên kết đào tạo.
7. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các Bên liên kết đào tạo: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác. Đối với giấy tờ minh chứng của đối tác nước ngoài cần có bản dịch công chứng.
8. Bản sao giấy tờ chứng minh cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.
9. Bản sao giấy tờ chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyển.
10. Quyết định thông qua Đề xuất triển khai đàm phán chương trình LKĐTVNN của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD.
11. Đề án Liên kết đào tạo.
12. Các văn bản khác (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên Việt Nam**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **Bên nước ngoài**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

BM04

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN** |  |

PHIẾU BIÊN NHẬN

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT

ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

Tên Đơn vị thực hiện: ......................................................................................................

Tên cơ sở giáo dục nước ngoài liên kết (Tên tiếng Việt và Quốc tế):..............................

...........................................................................................................................................

Trình độ, chuyên ngành LKĐT (tên chuyên ngành tiếng Việt và Quốc tế): ......................................................................................................................................................................................................................................................................................

Hồ sơ gồm có:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án LKĐTVNN (đại diện hợp pháp của các bên liên kết ký) | □ |
| 2 | Thỏa thuận hợp tác LKĐT giữa các bên liên kết (bản sao hợp lệ) | □ |
| 3a | Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của Trường ĐH KTQD | □ |
| 3b | Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của cơ sở giáo dục nước ngoài (bản sao hợp lệ và bản dịch công chứng tiếng Việt nếu không phải Tiếng Anh) | □ |
| 4 | Văn bản minh chứng Trường ĐH KTQD và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (Bản sao hợp lệ) | □ |
| 5 | Văn bản minh chứng chương trình đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo nước ngoài đã được công nhận chất lượng đào tạo tại nước sở tại (bản sao hợp lệ và bản dịch công chứng tiếng Việt nếu không phải Tiếng Anh) | □ |
| 6 | Văn bản thông qua Đề xuất triển khai đàm phán chương trình LKĐTVNN của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD | □ |
| 7 | Đề án LKĐTVNN | □ |
| a | Sự cần thiết của chương trình | □ |
| b | Mục tiêu của chương trình | □ |
| c | Thông tin về cơ sở giáo dục nước ngoài cùng LKĐT | □ |
| d | Thời hạn LKĐT | □ |
| e | Ngành nghề và trình độ đào tạo | □ |
| f | Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị | □ |
| g | Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy | □ |
| h | Quy mô đào tạo | □ |
| i | Danh sách giảng viên dự kiến và CV | □ |
| j | Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh | □ |
| k | Mức học phí và hỗ trợ tài chính | □ |
| l | Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá | □ |
| m | Văn bằng sẽ cấp, tính tương đương | □ |
| n | Dự toán tài chính, cơ chế quản lý tài chính | □ |
| o | Biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro | □ |
| p | Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết | □ |
| q | Trách nhiệm và quyền hạn của các giảng viên và người học | □ |
| r | Bộ phận phụ trách chương trình LKĐT, lý lịch cá nhân | □ |
| s | Danh sách và đề cương chi tiết | □ |
| t | Thỏa thuận về công nhận học phần, chuyển tiếp sinh viên, học viên (nếu có) | □ |
| u | Quá trình hợp tác giữa các bên tham gia LKĐT | □ |

Các giấy tờ khác:

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

...........................................................................................................................................

Ngày nhận hồ sơ: ..............................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Người nộp hồ sơ | Người nhận hồ sơ |

Điện thoại liên hệ: ……………………………

BM05 (theo Thông tư số 34/2014/TT-BGDĐT)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

(2) *Hà nội, ngày…..tháng…..năm 20*…

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** (1)

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục ;

Căn cứ Thông tư số 34 ngày 15 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo…;

Xét đề nghị của …….……và ……………tại Hồ sơ liên kết đào tạo cấp bằng ………(11)……… ngày ….. tháng ….. năm …..;

Xét đề nghị của Ông trưởng Phòng HTQT (3),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án liên kết đào tạo cấp bằng giữa các Bên:

**Bên Việt Nam**:

- Trụ sở: …………………………………………………………………………...

- Điện thoại: ……………………………………………………………………

- Fax: ……………………………………………………………………............

- Website: ……………………………………………………………………........

- Quyết định thành lập: …………………………………………………………...

**Bên nước ngoài**:

- Trụ sở: …………………………………………………………………….......

- Điện thoại: ……………………………………………………………………...

- Fax: ……………………………………………………………………...............

- Website: ……………………………………………………………………........

- Văn bản pháp lý: ……………………..……..(4)………………………………..

**Điều 2**. Các Bên liên kết có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với những nội dung chính sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: ............................…..... (5)………..................................

2. Thời gian và chương trình đào tạo: …….........(6)………………………...........

3. Ngôn ngữ giảng dạy: ………………………..(7)…… .......................................

4. Đội ngũ giảng viên: ………………………....(8)……………...........................

5. Quy mô đào tạo: …………………………….(9)………………........................

6. Địa điểm đào tạo: ……………………………(10)………………….................

7. Văn bằng: …………………………………...(11)…………..............................

8. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính: ........(12)............................. ................

**Điều 3.** Sau mỗi năm học ………...…..(13)…….………….báo cáo ………..(1)……….. về các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình liên kết đào tạo và định kỳ 6 tháng một lần cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo. ………….(1)………… chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra công tác tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình liên kết của các bên liên kết theo Quyết định này và Hồ sơ Chương trình liên kết đã phê duyệt.

**Điều 4.** Thời hạn hoạt động của Chương trình liên kết ……………….................

**Điều 5.** Hiệu lực của quyết định. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 5;  - ………………….;  - ……………….....;  - Lưu: VT, ……...... | **Quyền hạn, chức vụ của người ký**  *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* | |
| **Ghi chú:**  (1) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo;  (2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở cơ quan ban hành quyết định;  (3) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo;  (4) Số, ký hiệu văn bản thể hiện tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài, ngày… tháng... năm ... ban hành văn bản và tên cơ quan ban hành văn bản;  (5) Yêu cầu về trình độ học vấn đầu vào, năng lực sử dụng ngoại ngữ và các yêu cầu khác;  (6) Thời gian đào tạo (năm học hoặc học kỳ), cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm cung cấp chương trình đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo (số tín chỉ) bao gồm cả giai đoạn đào tạo trong nước và giai đoạn đào tạo ở nước ngoài (nếu có);  (7) Ngoại ngữ sử dụng trong quá trình giảng dạy Chương trình liên kết;  (8) Nguồn giảng viên tham gia giảng dạy Chương trình liên kết, tiêu chí đối với giảng viên (trình độ chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ);  (9) Số lượng dự kiến tuyển sinh mỗi khóa, số khóa tuyển sinh/năm;  (10) Địa chỉ cơ sở đào tạo thực hiện chương trình liên kết;  (11) Tên văn bằng (tiếng Việt và tiếng nước ngoài), tên cơ sở đào tạo cấp bằng;  (12) Mức thu học phí (toàn khóa học hoặc theo năm học) bao gồm giai đoạn đào tạo trong nước và giai đoạn đào tạo ở nước ngoài (nếu có), nguồn kinh phí tài trợ cho chương trình (nếu có);  (13) Tên cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và tên cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; | |

BM06

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN  **ĐƠN VỊ:...............**  Số: /  V/v báo cáo định kỳ việc tổ chức thực hiện liên kết đào tạo năm ….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày…… tháng… năm …..* |

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  (qua Phòng Hợp tác Quốc tế) |

**Chương trình 1**

1. Nội dung chương trình hợp tác

*(Nêu ngắn gọn về tên chương trình, ngành và trình độ đào tạo, thời hạn thực hiện chương trình)*

1. Tình hình triển khai chương trình
   1. Chương trình đào tạo, kế hoạch tổ chức giảng dạy
   2. Số lượng sinh viên, học viên (số lớp, số sinh viên hoặc học viên/lớp)
   3. Kết quả học tập của sinh viên, học viên

*(Kết quả học tập của sinh viên, học viên theo từng kỳ, các quyết định liên quan đến kỷ luật trong quá trình học: thôi học, đình chỉ, cảnh cáo, bảo lưu, ….)*

* 1. Số lượng và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, học viên

*(Kèm bản sao các văn bản liên quan đến tốt nghiệp: quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách sinh viên, học viên tốt nghiệp ….)*

* 1. Văn bằng, chứng chỉ được cấp

1. Báo cáo tài chính
2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy *(đối với giảng viên lần đầu tham gia giảng dạy tại chương trình cung cấp* *lý lịch cá nhân)*
3. Cơ sở vật chất
4. Báo cáo đánh giá về đảm bảo chất lượng đào tạo
5. Báo cáo tuyển sinh
   1. Quy mô tuyển sinh
   2. Kết quả tuyển sinh

*(Kèm bản sao các văn bản liên quan đến quá trình tuyển sinh: thông báo tuyển sinh, quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, quyết định công nhận trúng tuyển….)*

1. Tự đánh giá chương trình
2. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai chương trình
3. Đề xuất, kiến nghị

**Chương trình 2** (nội dung báo cáo như chương trình 1)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như trên; * Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |